

Số: 09/2025/QĐST-HNGĐ

Đức Thọ, ngày 24 tháng 02 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025.

Căn cứ vào điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

### XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### QUYẾT ĐỊNH

#### ***I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:***

***1. Nguyên đơn:*** Chị Lương Thị H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn Sơn Quang, xã Đức Lạng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

***2. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Ông Trần Quang T, sinh năm 1949. Theo văn bản ủy quyền ngày 23/12/2024; địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ liên hệ: Số nhà I, ngõ A, N, phường L, quận T, Thành phố Hà Nội.

***3. Bị đơn:*** Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh

#### ***II. Sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể:***

Anh Nguyễn Đức T1 và chị Lương Thị H đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và yêu cầu Toà ghi nhận vào Quyết định, cụ thể như sau:

1. *Giao cho chị Lương Thị H được quyền sở hữu: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, VIOS 1.5E, biển kiểm soát 38A-44297, số khung: RL4B28F39N5120393, số máy: 2NRX810937 mang tên Lương Thị H.*

2. *Giao cho anh Nguyễn Đức T1 được quyền sở hữu, sử dụng:*

-Thửa đất số 244, tờ bản đồ số 15, diện tích 195,5 m<sup>2</sup> (Một trăm chín mươi lăm phẩy năm mét vuông). Địa chỉ: thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh và một ngôi nhà cấp 4 diện tích 170m<sup>2</sup> nằm trên thửa đất nói trên.

-Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 68 (Đất rừng sản xuất), diện tích 2331,8m<sup>2</sup>. Địa chỉ: thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

-Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 68 (Đất rừng sản xuất), diện tích 12742,5m<sup>2</sup>. Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

-Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 14, giao cho con gái Nguyễn Thị Thu U được quyền sở hữu. Diện tích 280,0 m<sup>2</sup> (Đất ở nông thôn). Địa chỉ: thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

-Thửa đất số 11, tờ bản đồ số QH, diện tích 280,0m<sup>2</sup> (Đất ở nông thôn). Địa chỉ: thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh giao cho con trai Nguyễn Tiến Đ được quyền sở hữu và sử dụng.

**III. Về án phí:** Chị Lương Thị H và anh Nguyễn Đức T1 tự thoả thuận phân chia tài sản chung và yêu cầu Toà ghi nhận trong Quyết định nên theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Lương Thị H và anh Nguyễn Đức T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho chị Lương Thị H mà ông Trần Quang T (Chồng chị H) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0007461 ngày 10/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

**IV.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**V.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đức Thọ;
- Chi cục THADS huyện Đức Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trương Quang Nghị**

